

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số **43/2021/DS-PT**

Ngày 28/12/2021

“V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu V

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng; Ông Nguyễn Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2021/TLDS-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ma Thị L, sinh năm 1965;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Triệu Thế D, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt)*.

2. Bị đơn: - Bà Bùi Thị V (tên gọi khác Bùi Thị B), sinh năm 1960;

- Ông Lý Văn L, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt)*.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P - Chủ tịch UBND huyện Y, Tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh T - Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Y, Tỉnh Tuyên Quang, *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- Ông Triệu Xuân T, sinh năm 1961 (chết ngày 29/10/2020); những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Triệu Xuân T gồm: Bà Ma Thị L, anh Triệu Thế D *(có mặt)*; Bà Ma Thị Á, ông Triệu Văn S *(vắng mặt)*; Cùng địa chỉ:

Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; chị Triệu Thị D; Địa chỉ: Số nhà 73, tổ 10, Phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

Người được ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương: Anh Triệu Thế D. Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

- Ông Lý Hồng X, sinh năm 1950; (có mặt);
- Anh Lý Huy H, sinh năm 1986; (có mặt);
- Anh Lý Hùng M, sinh năm 1990, (có mặt);
- Anh Lý Hồng Q, sinh năm 1990, (vắng mặt);
- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992, (vắng mặt);
- Chị Lý Thị D, sinh năm 1992, (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970, (vắng mặt);
- Chị Lý Thị L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên toà nguyên đơn bà Ma Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L - anh Triệu Thế D trình bày:

Gia đình bà có một thửa đất, nguồn gốc thửa đất là được bố, mẹ chồng chia cho và đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130, diện tích sử dụng 3.500m² đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất Lũng Ma, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, thửa đất có đường biên giáp đất nhà ông X, bà có trồng cây xoan, cây gỗ trám, cây cọ, bụi tre hóp, tre vầu trên thửa đất. Năm 2012 gia đình bà V tự ý chặt cây và lấn chiếm một phần diện tích của thửa đất làm chuồng nuôi gia súc và trồng ngô của gia đình bà, bà nhiều lần đòi nhưng gia đình ông X, bà V không trả đất, sự việc đã được UBND xã T hòa giải nhưng không thành, nên việc gia đình nhà ông X lấn chiếm đất của gia đình bà gặp nhiều khó khăn thiếu đất sản xuất, phần diện tích đất tranh chấp với nhà bà V, ông X khoảng 533m², trên đất có 04 cây xoan. Đối với phần diện tích đất tranh chấp với ông Lý Văn L, bà cho rằng khi tranh chấp đất với ông X, bà V thì ông L đứng ra nhận trong đó có một phần đất và cây cối trên đất là của ông L và khẳng định đất và cây cối trên đất là của gia đình ông L và diện tích khoảng 514m², trên đất hiện tại có vườn tre, vầu, 01 cây trám, 01 cây móc, 01 bụi tre hóp và một số cây gỗ tạp. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu gia đình bà V, ông L trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị V trình bày:

Từ khi bà về làm dâu từ năm 1982 đến năm 1983 bố mẹ chồng bà là ông Lý Văn V (đã chết) và bà Hà Thị P chia đất cho vợ chồng bà để ở, vợ chồng bà vẫn sử dụng đất bố mẹ cho đến nay, bố mẹ cho bằng miệng, không có giấy tờ văn bản gì, cho diện tích bao nhiêu bà không nhớ. Diện tích đất nhà bà đang sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Lý Hồng X (chồng bà). Trên phần đất tranh chấp có 04 cây xoan và 01 cây sưa, ngoài ra bà còn trồng sắn. Việc bà L khởi kiện cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất nhà bà L diện tích 533m² là không đúng, bà không nhất trí trả lại diện tích đất tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lý Văn L trình bày:

Bà L yêu cầu ông trả lại đất lấn chiếm diện tích 514m² như bà L trình bày ông không đồng ý. Diện tích đất này là của bố mẹ đẻ ông cho ông, gia đình ông đã canh tác và sử dụng đất liên tục không có tranh chấp và trồng nhiều loại cây trên đất như bụi tre, bụi hóp, có một cây trám tự mọc. Sau khi bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của bà là không có căn cứ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lý Hồng X trình bày: Ông là chồng bà V, ông xác định nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ ông cho vợ chồng ông, sau khi vợ chồng ông ra ở riêng vẫn sử dụng trên mảnh đất tranh chấp, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là vợ ông Lý Văn L khi bà về làm dâu từ năm 1988 bố mẹ chồng bà cho vợ chồng bà diện tích đất hiện nay đang ở sử dụng liên tục, ổn định không có tranh chấp, nên bà không nhất trí việc bà L khởi kiện đòi lại đất.

Chị Triệu Thị D trình bày: Chị là con ông Triệu Xuân T và bà Ma Thị L, việc mẹ chị tranh chấp đất đai với ông Lý Văn L và bà V (B) như thế nào chị không liên quan, chị không có yêu cầu gì với Tòa án.

Chị Lý Thị L, anh Lý Hồng H, anh Lý Huy H (là con bà Bùi Thị V và ông Lý Hồng X) trình bày: Anh chị được nghe bố mẹ kể lại mảnh đất tranh chấp là do từ thời ông bà nội anh chị khai phá, sử dụng, không lấn chiếm và cũng không tranh chấp với ai.

Chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là con dâu ông Lý Hồng X và bà Bùi Thị V, chị xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông nội chị là ông Lý Văn V và bà nội Hà Thị P cho bố mẹ chị, sau khi chị về làm dâu được bố mẹ chị cho sử dụng đến khi tòa án giải quyết chị mới biết phần đất chị được bố mẹ cho sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà bà Ma Thị L, chị đề

ngiht hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà L và không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà L.

Anh Lý Hùng M là con của ông Lý Văn L trình bày: Về nguồn gốc đất anh không biết vì anh còn nhỏ, anh chỉ thấy bố mẹ anh sử dụng, việc bà L tranh chấp với gia đình anh, anh xác nhận không liên quan gì đến anh, anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Chị Lý Thị D (con ông Lý Văn L) trình bày: Từ nhỏ cho đến khi trưởng thành đi công tác và xây dựng gia đình cho đến nay, mảnh đất đó từ thời ông bà chị vẫn sử dụng, không lấn chiếm và không tranh chấp với ai.

UBND huyện Y, người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Y trình bày:

Hộ ông Triệu Xuân T, xóm 4, xã T được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2008, diện tích 3.500m² đất rừng sản xuất, thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130, xã T, huyện Y. Căn cứ vào luật đất đai ngày 29/6/2003; Căn cứ nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 20/10/2004 của chính phủ về thi hành luật đất đai; Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Ngày 22/5/2008 ông Triệu Xuân T đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130, về nguồn gốc đất ông Triệu Xuân T khai, do gia đình khai phá và sử dụng từ năm 1988. Ngày 20/8/2008 tại thôn 4, xã T đã tổ chức họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân trong thôn trong đó có hộ ông Triệu Xuân T. Ngày 21/8/2008 Hội đồng tư vấn xã T đã tiến hành họp xét cấp giấy chứng nhận cho các hộ gia đình cá nhân trong đó có hộ ông Triệu Xuân T, đồng thời UBND xã đã tiến hành công khai trong thời hạn 15 ngày, sau 15 ngày công khai không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về danh sách đã công khai, UBND xã đã lập tờ trình, trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã T trong đó có hộ ông Triệu Xuân T.

Hộ ông Lý Hồng X, đội 2, xã T được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận ngày 20/10/1995 đối với các loại đất có tổng diện tích là 1.844m² tờ bản đồ số 9, xã T. Căn cứ luật đất đai ngày 14/7/1993; Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Văn bản số 1427 CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính hướng dẫn xử lý một số vấn đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Căn cứ hướng dẫn số 110/HD-ĐĐBĐ ngày

20/5/1994 của Ban quản lý ruộng đất tỉnh Tuyên Quang (nay là Sở tài nguyên và môi trường) hướng dẫn trình tự triển khai việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1994-1995 các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã T, huyện Y đồng loạt làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất trong đó có hộ ông Lý Hồng X. Ông Lý Hồng X, làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất gồm 04 thửa đất, được Hội đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã T xét duyệt. Trên cơ sở xét Dcua Hội đồng xét cấp đất đai xã T, UBND xã đã lập tờ trình, trình UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ hồ sơ do UBND xã trình UBND huyện phê duyệt; Ngày 20/10/1995 UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã T, trong đó có hộ ông Lý Hồng X.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ma Thị L đề nghị Tòa án giải quyết phần diện tích đất tranh chấp giữa gia đình bà với bà V, ông L về diện tích theo như biên bản sơ đồ đã được thẩm định, đo đạc. Số diện tích đất sau khi được đo đạc thực tế nằm ngoài ranh giới được cấp giấy chứng nhận là do nhầm lẫn trong khi xác định vị trí nên bà không yêu cầu diện tích đất đã được đo đạc nằm ngoài ranh giới cấp giấy chứng nhận, ngoài ra phần ranh giới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà có liên quan đến nhà bà V và đường xóm thì bà không đề nghị, bà chỉ yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất tranh chấp theo ranh giới diện tích đất đã được thẩm định đo đạc mà bà V và ông L lấn chiếm nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà.

Bị đơn bà Bùi Thị V không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đề nghị giám định chữ ký của chồng bà là ông Lý Hồng X trong phần ký giáp ranh khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Xuân T vào năm 2008 nhưng bà không nộp chi phí tố tụng trưng cầu giám định, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Triệu Xuân T về phần liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Y tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nên hòa giải không thành. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai. Điều 158; điều 166 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị L.

Tuyên xử: Buộc bà Bùi Thị V trả lại cho bà Ma Thị L 447,7 m² đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 theo các mốc 1,2,3,8,9,10,11, trên đất có 02 cây xoan, 01 cây cọ và tháo dỡ 01 chuồng trâu bằng cột bê tông mái lợp lá cọ.

Buộc ông Lý Văn L trả lại cho bà Ma Thị L 138,3 m² đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 theo các mốc 3,8,B1, A3, B1 trên đất có 01 cây trám và 01 cây móc. *(Kèm theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2017 và bản đồ sung kết quả đo vẽ ngày 23/7/2021).*

2. Về án phí: Bà Bùi Thị V là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Ông Lý Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

Bà Ma Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Trả lại cho bà Ma Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 210.000đ *(Hai trăm mười nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00013623 ngày 12/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 09/8/2021, bị đơn bà Bùi Thị V kháng cáo với các nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên án thiếu căn cứ pháp lý và không phù hợp với thực tế quá trình sử dụng đất của gia đình bà V đã khai phá từ năm 1970 và sử dụng ổn định đến nay. Bà V đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y; tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành A01087630 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Y ký ngày 30/9/2008 đã cấp quyền sử dụng đất thửa số 48, tờ bản đồ địa chính số 130, diện tích 3.500m² loại đất trồng rừng sản xuất cho hộ ông Triệu Xuân T và bà Ma Thị L tại thôn Đồng Quảng, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; đề nghị UBND xã T, UBND huyện Y cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà V và ông X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y; đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 48, tờ bản đồ địa chính số 130, diện tích 3.500m² loại đất trồng rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 30/9/2008 cho hộ ông Triệu Xuân T.

Nguyên đơn bà Ma Thị L trình bày: Bà giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Bà xác định diện tích đất gia đình bà đang sử dụng đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà V đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà. Bà đề nghị xác định ranh giới sử dụng đất theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà đã được cấp vào năm 2008.

Ý kiến phát biểu quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị V hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng bà V lấn chiếm 447,6 m² đất và ông L lấn chiếm 187,7 m² đất (tổng diện tích là 635,3m²) của gia đình bà thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 đã cấp cho hộ gia đình ông Triệu Xuân T (chồng bà L) nhưng bà L không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp 635,3m² nêu trên là nằm trong diện tích đất 3.500m² đã được UBND huyện Y cấp giấy CNQSD đất cho ông Triệu Xuân T. Sau khi xem xét thẩm định và tiến hành lồng ghép bản đồ địa chính thấy rằng diện tích đất được cấp cho hộ gia đình ông Triệu Xuân T theo giấy CNQSD đất năm 2008 không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất gia đình bà L hiện nay đang sử dụng có chồng lấn lên đất đường đi của thôn xóm và các diện tích đất khác, nên giấy CNQSD đất thửa đất số 48 tờ bản đồ số 130 cấp năm 2008 cho ông Triệu Xuân T không đúng với hiện trạng sử dụng đất, không chỉ trùng lên diện tích đất đang tranh chấp mà còn trùng lên nhiều diện tích tại nhiều vị trí khác, nên không có căn cứ xác định quyền sử dụng đất của bà Ma Thị L có bị bà V và ông L lấn chiếm hay không để làm cơ sở giải quyết tranh chấp. Do đó, cần phải làm rõ vị trí, ranh giới diện tích đất của bà L đang sử dụng và diện tích đất đã được cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Triệu Xuân T (chồng bà L) mới có cơ sở giải quyết vụ án.

Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã T là cơ quan trực tiếp xét duyệt hồ sơ đăng ký, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Triệu Xuân T và bà Ma Thị L nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có thiếu sót. Ngoài ra trong sơ đồ xem xét thẩm định bổ sung ngày 23/7/2021 (BL 244) giữa gia đình bà Ma Thị L với gia đình bà Bùi Thị V và gia đình ông Lý Văn L tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 không có chữ ký của bà L, bà V và ông L, không có chữ ký xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T là chưa đầy đủ, mà tài liệu này không thể bổ sung tại cấp phúc thẩm. Vì vậy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bùi Thị V.

Về yêu cầu kháng cáo bà V đề nghị tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Triệu Xuân T, nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Y chưa xác định yêu cầu hủy giấy là yêu cầu phản tố, nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 điều 308; Điều 310 Bộ luật TTDS hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-PT ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y để giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà V được chấp nhận nên bà Bùi Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị V nộp ngày 08/8/2021 với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo của bà Bùi Thị V được công nhận là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bùi Thị V không bổ sung thêm tài liệu, sửa đổi, thay thế hoặc rút kháng cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo với toàn bộ vụ án.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Theo lời trình bày bà L khai nguồn gốc thửa đất gia đình bà hiện nay đang sử dụng là do bố, mẹ chồng bà khai phá, chia cho vợ chồng bà sử dụng. Năm 2008 gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130, diện tích sử dụng 3.500m² (đất rừng sản xuất) mang tên hộ ông Triệu Xuân T (chồng bà). Thửa đất có đường ranh giới giáp đất gia đình nhà ông X, bà V. Năm 2012 bà V, ông L lấn chiếm một phần diện tích đất của gia đình bà làm chuồng nuôi gia súc và trồng cây cối (Bà V lấn chiếm diện tích khoảng 533m² đất; ông L lấn chiếm diện tích khoảng 514m² đất). Tuy nhiên, bà V và ông L đều không thừa nhận lấn chiếm diện tích đất như bà L khởi kiện. Bà V cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là do bố mẹ chồng bà là ông Lý Văn V (đã chết) và bà Hà Thị P cho vợ chồng bà vào khoảng năm 1982, cho diện tích bao nhiêu bà không nhớ, bố mẹ cho bằng miệng không lập văn bản gì. Gia đình bà sử dụng diện tích đất ổn định đến năm 1995 được có quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lý Hồng X (chồng bà). Như vậy, diện tích đất gia đình bà L và gia đình bà V hiện nay đang sử dụng và có tranh chấp một phần đều đã được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân huyện Y xác định ông Lý Hồng X (chồng bà Bùi Thị V) được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/10/1995 gồm một thửa đất ở có diện tích 360m² và 05 thửa đất trồng lúa, trong đó có thửa đất số 258a, tờ bản đồ số 9, diện tích đất ở là 360m² là thửa đất giáp ranh với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 của gia đình đình bà Ma Thị L được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Xuân T ngày 30/9/2008, diện tích đất được cấp 3.500m² (gia đình bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau gia đình bà V nhiều năm). Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Hồng X và hộ ông Triệu Xuân T được UBND huyện Y xác định là hợp lệ, đúng trình tự, thủ tục.

[2.2] Về nội dung kháng cáo: Bà V cho rằng bản án dân sự sơ thẩm tuyên thiếu căn cứ pháp lý và không phù hợp với thực tế quá trình sử dụng đất của gia đình bà nên bà đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, xét thấy:

Cùng với thủ tục kháng cáo, bà Bùi Thị V nộp bổ sung các tài liệu, chứng cứ trong đó có bản sao Biên bản về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất được lập ngày 02/11/2011, có sự tham gia của cán bộ địa chính xã T ông Lương Cao S, Trưởng thôn Đồng Quảng ông Nguyễn Xuân C, các bên tranh chấp gồm: Bà Ma Thị L, ông Triệu Xuân T, ông Lý Hồng X và bà Bùi Thị V. Biên bản có nội dung: *“Căn cứ bản đồ giao đất Lâm nghiệp năm 2008 xác định toàn bộ diện tích nền chuồng trâu ông X xây dựng nằm vào diện tích thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 của hộ ông Triệu Xuân T và bà Ma Thị L. Tại thực địa hai hộ gia đình ông Trường và hộ gia đình ông X thống nhất như sau:...Hai gia đình đã thống nhất về phần diện tích ông X xây dựng chuồng trâu trả lại cho hộ gia đình ông Trường sử dụng, việc tháo dỡ do hộ ông X tự tháo dỡ...”*.

Đối chiếu với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, cơ quan chuyên môn đã tiến hành thực hiện việc lồng ghép bản đồ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông T bà L. Kết quả đo đạc đã xác định diện tích đất được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2008 cho hộ ông Triệu Xuân T (chồng bà L), diện tích 3.500m², thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130, được xác định bởi các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A11-A12-A13-A14-A15-A16-A1 là chồng lẫn lên các diện tích đất khác bao gồm: Đất thuộc phạm vi đường QL2C + (cộng với) đường ngõ xóm + (cộng với) đất thực tế gia đình bà L đang sử dụng được xác định bởi các điểm 11-10-9-8-7-19-18-17-16-15-14-13-12-11 + (cộng với) đất tranh chấp với bà V xác định bởi các điểm 1-11-10-9-8-3-2-1 + (cộng với) 1 phần diện tích đất tranh chấp hộ ông L (S=187.7m²) + (cộng với) các thửa đất do các hộ gia đình khác đang sử dụng (trong phạm vi các điểm A1-A2-

A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A11-A12-A13-A14-A15-A16-A1) mà chưa có tranh chấp, (Kèm theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2017 và sơ đồ bổ sung kết quả đo vẽ ngày 23/7/2021).

Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng bà V lấn chiếm 447,6 m² đất và ông L lấn chiếm 187,7 m² đất của gia đình bà thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130 đã cấp cho hộ gia đình ông T. Tại phiên tòa bà L đề nghị Tòa án giải quyết phần diện tích đất tranh chấp giữa gia đình bà với bà V, ông L về diện tích theo như biên bản thẩm định, còn lại số diện tích đất sau khi được đo đạc thực tế nằm ngoài ranh giới được cấp giấy chứng nhận là do nhầm lẫn trong khi xác định vị trí nên bà L không yêu cầu diện tích đã được đo đạc nằm ngoài ranh giới cấp giấy chứng nhận, xét thấy: Sau khi đo đạc diện tích đất được cấp cho hộ gia đình ông Triệu Xuân T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 không phù hợp với hiện trạng đất gia đình bà L hiện nay đang sử dụng có chồng lấn lên đường Quốc lộ 2C và đường đi của thôn xóm và các diện tích đất khác, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 48 tờ bản đồ số 130 cấp năm 2008 cho ông Triệu Xuân T (chồng bà L) không đúng với thực trạng sử dụng đất, không chỉ trùng lên diện tích đất đang tranh chấp mà còn trùng lên nhiều diện tích tại nhiều vị trí khác, nên không có giá trị làm căn cứ xác định phạm vi quyền sử dụng đất của bà Ma Thị L thực tế có bị lấn chiếm hay không, để làm cơ sở giải quyết tranh chấp.

Việc bà L xác định bà V lấn chiếm 447,6m² đất, ông L lấn chiếm 187,7m² đất (tổng diện tích là 635,3m²), là kết quả dựa vào chỉ giới do bà L chỉ dẫn, không đúng với chỉ giới theo bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phù hợp với diện tích nền chuồng trâu nhà bà V như nội dung đã thoả thuận giữa gia đình ông X, bà V với gia đình ông Trường, bà L vào năm 2012 (theo tài liệu do bị đơn bà V cung cấp kèm theo đơn kháng cáo).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ma Thị L không cung cấp được các chứng cứ khác chứng minh diện tích đất tranh chấp 635,3m² nêu trên là nằm trong diện tích đất 3.500m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Xuân T (chồng bà L) và nằm ngoài diện tích đất ông L và ông X đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác có một số tài liệu bị đơn bà V mới nộp khi kháng cáo, so sánh đối chiếu với kết quả đo đạc địa chính sau khi đã lồng ghép, diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà L đều không trùng khớp nhau, bị chồng lấn ra bên ngoài. Cấp sơ thẩm khi xem xét thẩm định tại chỗ đã phát hiện diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà L được cấp không đúng với thực tế sử dụng nhưng lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà V và ông L trả lại diện tích đất lấn chiếm là chưa

có cơ sở. Do đó, cần phải làm rõ vị trí, ranh giới diện tích đất của bà L đang sử dụng và diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Triệu Xuân T (chồng bà L) mới có cơ sở giải quyết toàn diện vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị V (B), hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.2]. Bà Bùi Thị V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 130, diện tích 3.500m² (đất rừng sản xuất) do UBND huyện Y cấp ngày 30/9/2008 mang tên hộ ông Triệu Xuân T tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm, bà V có đưa ra nội dung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà L vào năm 2008, nhưng bà V không nộp tiền tạm ứng án phí nên cấp sơ thẩm chưa thụ lý và giải quyết yêu cầu phản tố của bà V; ngoài ra bà V yêu cầu giám định chữ ký của ông X là người ký hộ giáp ranh liền kề trong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Xuân T nhưng bà V không nộp tiền chi phí giám định. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Triệu Xuân T (ông T chồng bà L đã chết, bà L đang sử dụng diện tích đất này), sau khi lồng ghép bản đồ địa chính không trùng khớp với hiện trạng sử dụng đất, tuy nhiên các đương sự yêu cầu giải quyết tranh chấp đất trong vụ án này là diện tích đất sử dụng chồng lấn trên thực địa, nên không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Triệu Xuân T và bà Ma Thị L tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Nội dung xác định lại diện tích, hiện trạng sử dụng và ranh giới thửa đất số 48, tờ bản đồ địa chính số 130 cấp cho ông Triệu Xuân T và bà Ma Thị L cần được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Bùi Thị V được chấp nhận một phần kháng cáo, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nên bà Bùi Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị V, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang điều tra, xác minh chứng cứ, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/12/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Hữu Việt